

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-PT

Ngày: 30 tháng 3 năm 2021

"V/v: tranh chấp Hợp đồng Tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền,

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Sơn và Ông Ngô Sỹ Tiến

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 05/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2021, về việc "Tranh chấp Hợp đồng Tín dụng". Do bản án dân sự số: 03/2020/DSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2021/QĐ-PT ngày 19/3/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 02, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bành Trọng H, sinh năm 1972. Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An theo giấy ủy quyền ngày 31/01/2020. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1961 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964. Địa chỉ: Xóm Đồng Ch (nay là xóm Đồng Th), xã Nam C, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1985. Trú tại: Khối 9, phường Trường Th, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Chức vụ: Giao dịch viên - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Nam Đ. Có mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án Dân sự, vụ án có nội dung:

Trong Đơn khởi kiện ngày 10/12/2019 cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT) Việt Nam – Chi nhánh huyện Nam Đ, Ông Bành Trọng H trình bày:

Theo hồ sơ và giấy đề nghị vay vốn của bà Hoàng Thị H ngày 05/5/2016 đề nghị vay vốn theo hạn mức tín dụng số tiền 100.000.000 đồng. Ngân hàng đã tiến hành thẩm định và phê duyệt cho vay theo Hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa Ngân hàng và bà Hoàng Thị H cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số: 3609-LAV-201602614, ngày 05/5/2016, số tiền vay: 100.000.000 đồng, đã tất toán trả hết nợ vay ngày 10/5/2017 và tiếp tục nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng cùng ngày. Ngày 30/11/2017 trả bớt số tiền 50.000.000 đồng còn dư nợ 50.000.000 đồng và đến ngày 27/12/2017 nhận nợ thêm số tiền 50.000.000 đồng, dư nợ sau lần nhận nợ này là 100.000.000 đồng (có Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân do 2 bên ký kết kèm theo). Đến ngày 15/01/2018 trả số tiền 50.000.000 đồng và tất toán giấy nhận nợ ngày 10/5/2017. Đến thời điểm hiện tại chỉ còn dư nợ 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) tiền gốc của giấy nhận nợ ngày 27/12/2017, hạn trả vào ngày 27/12/2018 (đã quá hạn trả nợ từ ngày 28/12/2018) và nợ lãi phát sinh là: 16.696.575 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn là: 12.714.383 đồng, lãi quá hạn là: 3.982.192 đồng. Hợp đồng tín dụng trên cho vay không phải bảo đảm bằng tài sản theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ.

Qua rất nhiều lần làm việc kể từ ngày 28/12/2018 đến nay nhưng bà Hoàng Thị H không hợp tác, không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và cam kết trả nợ theo Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 27/12/2017 mà 2 bên đã ký kết.

Để thu hồi vốn cho Nhà nước và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Nam Đ kính đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật và tuyên xử: Buộc bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn T phải trả nợ cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Nam Đ số tiền tính đến ngày 30/9/2020 là 67.282.191 đồng (*Sáu mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi mốt đồng*). Trong đó: Nợ gốc là: 50.000.000 đồng; nợ lãi là: 17.282.191 đồng (*Lãi trong hạn 13.104.794 đồng, lãi quá hạn 4.177.397 đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số: 3609-LAV-201602614 ngày 05/5/2016 và giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 27/12/2017 do 2 bên ký kết. Tuyên buộc bà Hoàng Thị H phải tiếp tục trả lãi tiền vay cho đến khi thi hành án xong theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 3609-LAV-201602614 ngày 05/5/2016 và Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 27/12/2017 do 2 bên đã ký kết giữa Ngân hàng và bà Hoàng Thị H.

Trong văn bản ngày 19/02/2020 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Hoàng Thị H, người đại diện theo ủy quyền của bà H và ông Nguyễn Văn T trình bày:

Bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn T thừa nhận: Ngày 05/5/2016 có ký Hợp đồng tín dụng số 201602614, do bà Hoàng Thị H đứng tên vay số tiền 100.000.000 đồng của ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện Nam Đ (phòng giao dịch Kim L) như phía Ngân hàng trình bày. Trong ngày 05/5/2016 vợ chồng ông T, bà H đã trả 50.000.000 đồng tiền gốc, sau đó một thời gian đã trả tiếp 50.000.000 tiền gốc còn lại (ngày tháng năm trả ông bà không nhớ). Ngày 27/12/2017 bà Hoàng Thị H tiếp tục đứng tên vay tiếp 50.000.000 đồng. Khoản tiền này ông bà đã thanh toán đầy đủ cho ngân hàng vào ngày 09/4/2018 nên ngân hàng đã trả lại cho ông bà 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa đỏ), chứng từ trả 50.000.000 đồng tiền gốc này hiện nay ở đâu bà H, ông T không tìm thấy, không biết là do thất lạc hay do đã mất.

Bị đơn khẳng định trong ngày 09/4/2018 đã trả cho ngân hàng tổng số tiền là 100.000.000 đồng của 3 hợp đồng tín dụng, trong đó có 01 hợp đồng với số tiền 20.000.000 đồng và 01 hợp đồng 30.000.000 đồng do ông T đứng tên tổng là 50.000.000 đồng; còn 01 hợp đồng tín dụng 50.000.000 đồng là do bà H đứng tên. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng bị đơn không chấp nhận. Ngoài ra bị đơn cho rằng hồ sơ Ngân hàng gửi cho Tòa án không hợp lệ, không đóng dấu giáp lai cho toàn bộ tài liệu và yêu cầu Ngân hàng trích xuất camera ngày 09/4/2018.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị T trình bày:

Năm 2014, chị làm tại phòng giao dịch Kim L thuộc xã Kim L, huyện Nam Đ. Đối với khoản vay của bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn T thì chị không phải là người lập hồ sơ vì nội dung này là của cán bộ tín dụng.

Vào ngày 09/4/2018 thì ông T, bà H có trực tiếp đến phòng giao dịch tại Kim L để trả nợ cho ngân hàng. Chị là người trực tiếp làm hồ sơ, thu tiền gốc, lãi và làm thủ tục xuất bìa. Quá trình làm thủ tục thì ông T đã trả 02 khoản tiền gốc tổng là 50.000.000 đồng (khoản vay 30 triệu và khoản vay 20 triệu) và tiền lãi suất (cụ thể chị không nhớ lãi suất là bao nhiêu), khoản tiền này là 02 hợp đồng tín dụng do ông T đứng tên. Do hợp đồng tín dụng của bà H đứng tên không có tài sản bảo đảm, quá trình làm thủ tục tất toán 02 khoản vay của ông T, do chủ quan, sơ suất nên chị đã xuất trả 02 bìa đất cho ông T. Trong ngày 09/4/2018 thì ông T bà H chưa thanh toán khoản nợ gốc còn lại 50.000.000 đồng do bà Hoàng Thị H đứng tên nhận nợ. Sau khi phát hiện ra sai sót trên, ngân hàng đã trực tiếp đến làm việc với ông T bà H nhưng ông T bà H cho rằng đã thanh toán đầy đủ 02 khoản vay của 02 hợp đồng thì ngân hàng mới trả lại bìa đất. Việc trả bìa là do sơ suất của cá nhân, tuy nhiên khi khách hàng trả nợ thì ngân hàng sẽ yêu cầu khách tự kê khai số tờ của từng loại mệnh giá, tổng số tiền mà khách hàng trả, sau khi đối chiếu vào hệ thống của ngân hàng, phù hợp với nhau thì sẽ hoàn tất các thủ tục còn lại. Toàn bộ các tài liệu này tôi đã cung cấp cho Tòa án. Chị Bùi Thị T khẳng định là khoản vay 50.000.000 đồng do bà

Hoàng Thị H đứng tên chưa thanh toán cho ngân hàng nên chị đề nghị bị đơn thanh toán cho ngân hàng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải, nhưng các bên đương sự không thống nhất được với nhau nên Tòa án hòa giải không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đ đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2011; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Nam Đ,

1. Buộc bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Nam Đ số tiền còn nợ (tính đến ngày 30/9/2020) theo Hợp đồng tín dụng số 3609-LAV-201602614 ngày 05/5/2016 và Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 27/12/2018 với tổng số tiền cả gốc và lãi là: 67.282.191 đồng. (*Sáu mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi một đồng*). Trong đó: nợ gốc: 50.000.000 đồng; lãi trong hạn: 13.104.794 đồng, lãi quá hạn: 4.177.397 đồng.

2. Bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong các khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và về hướng dẫn thi hành án dân sự.

Ngày 09/10/2020 bị đơn bà Hoàng Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà H vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Hoàng Thị H có đơn kháng cáo, đã nộp tạm ứng lệ phí án phí đầy đủ theo quy

định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án là đúng quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị H, áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bà Hoàng Thị H theo quy định tại các điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên kháng cáo hợp lệ, được chấp nhận.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Hoàng Thị H, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện: bà Hoàng Thị H là người đứng tên vay Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện Nam Đ tại phòng giao dịch Kim L theo Hợp đồng tín dụng số 3609-LAV-20160214 ngày 05/5/2016 số tiền 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*). Mục đích vay vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh, đời sống của hộ gia đình. Thời gian vay là 36 tháng kể từ ngày 05/5/2016, lãi suất 10.7%/năm. Hạn mức tín dụng (mức dư nợ cao nhất) là 100.000.000 đồng và số tiền vay được tính từng lần nhận nợ và được theo dõi theo giấy nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng. Quá trình vay vốn bà H đã trả lãi đầy đủ và đến ngày 10/5/2017 thì tất toán khoản vay 100.000.000 đồng được thể hiện tại “Chứng từ giao dịch” ngày 10/5/2017 và phiếu “Lịch sử giao dịch tiền vay” (BL 229, 230). Tuy nhiên, cũng trong ngày 10/5/2017, bà Hoàng Thị H tiếp tục ký “Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân” nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng (BL 99, 287) và được giải ngân theo “Giấy lĩnh tiền vay” ngày 10/5/2017 với số tiền 100.000.000 đồng (BL 231). Ngày 30/11/2017, bà H đã thanh toán 50.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi và còn dư nợ 50.000.000 đồng được thể hiện tại “Chứng từ giao dịch” ngày 30/11/2017 (BL 96, 237) và phiếu “Lịch sử giao dịch tiền vay” (BL 232, 233). Đến ngày 27/12/2017, bà Hoàng Thị H tiếp tục ký “Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân” có nội dung: Dư nợ trước ngày nhận nợ lần này 50.000.000 đồng; số tiền nhận nợ lần này (đề nghị vay lần này) 50.000.000 đồng Tổng dư nợ sau lần nhận nợ này là 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 9,5%/năm, mục đích vay: chăn nuôi bò vỗ béo, hạn trả nợ cuối cùng ngày 27/12/2018 (BL 293) và phiếu “theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ” (BL 290). Ngày 15/01/2018 bà Hoàng Thị H đã thanh toán 50.000.000 đồng tiền gốc, lãi và tất toán khoản vay theo “Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân” ngày 10/5/2017. Tại Điều 4, Hợp đồng tín dụng số 3609-LAV-201602614 ngày 05/5/2016 quy định: “Mỗi lần nhận tiền vay bên B cùng bên A lập giấy nhận nợ. Giấy nhận nợ là một phần không thể tách rời hợp đồng tín dụng. Thời hạn cho vay, kỳ hạn trả nợ tùy thuộc vào đối tượng vay được thỏa thuận trên từng giấy nhận nợ”. Như vậy, giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày

10/5/2017 và ngày 27/12/2017 là một phần không thể tách rời hợp đồng tín dụng số 3609-LAV-201602614 ngày 05/5/2016. Do đó, số tiền 50.000.000 đồng được bà Hoàng Thị H nhận nợ ngày 27/12/2017 chưa thanh toán cho ngân hàng. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà H và ông T phải trả nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 3609-LAV-201602614 ngày 05/5/2016 và giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 27/12/2017 đến hết ngày 30/9/2020 là 67.282.191 đồng. Trong đó nợ gốc là 50.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn và quá hạn là 17.282.191 đồng. Tuy nhiên, bị đơn thừa nhận có vay vốn của Ngân hàng nhưng đã thanh toán đầy đủ vào ngày 09/4/2018 nên ngân hàng mới trả bìla đất cho bị đơn, do đó bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng Hợp đồng tín dụng bà H ký ngày 05/5/2017 do ngân hàng cung cấp là giả mạo.

[3]. Xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 3609-LAV-201602614 ngày 05/5/2016 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp các quy định của pháp luật nên hoàn toàn hợp pháp có hiệu lực thi hành giữa hai bên. Tại phiên tòa, bà H thừa nhận chữ ký và chữ viết trong hợp đồng là do bà ký và ngân hàng đã giải ngân cho bà vay tiền 3 lần nên việc bà H, ông T cho rằng Hợp đồng giả mạo là không có căn cứ. Ngày 09/4/2018 ông Nguyễn Văn T đã trực tiếp đến ngân hàng trả 20.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi và tất toán Hợp đồng dụng số 3609-LAV-201705864 ngày 30/11/2017 và trả 30.000.000 đồng tiền gốc, tiền lãi và tất toán Hợp đồng tín dụng số 3609-LAV-201706492 ngày 27/12/2017, cả 02 khoản nợ này đều do ông T đứng tên và ông T là người trực tiếp kê các loại tiền nộp. Các tài liệu tất toán 02 khoản vay này được thể hiện tại các “chứng từ giao dịch”, “lịch sử giao dịch tiền vay” ngày 09/4/2018 (tại các BL 133,134, 143, 157, 264, 278, 284, 285 và 286) do nguyên đơn cung cấp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm Tòa án cũng đã yêu cầu bà Hoàng Thị H cung cấp Hợp đồng tín dụng và các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán cho ngân hàng khoản tiền 50.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 27/12/2017 nhưng bà H và ông T không cung cấp được cho Tòa án, không chứng minh được yêu cầu của mình là có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa bị đơn cho rằng việc ký kết hợp đồng tín dụng số 3609-LAV-201602614, ngày 05/5/2016 có thể chấp bằng tài sản nên sau khi đã thanh toán đầy đủ thì Ngân hàng mới trả 02 bìla đất (tài sản thế chấp) cho bị đơn; Hội đồng xét xử thấy rằng tại Điều 5, Hợp đồng tín dụng số 3609-LAV-201602614, ngày 05/5/2016 do bà Hoàng Thị H đứng tên quy định hình thức đảm bảo tiền vay: Cho vay không đảm bảo bằng tài sản theo Nghị Định số 55/2015/NĐ ngày 09/6/2015 của Chính phủ. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 9 Nghị định 55 thì khoản vay tối đa 100 triệu đồng đối với cá nhân, hộ gia đình cư trú tại địa bàn nông thôn được tổ chức tín dụng cho vay không có tài sản đảm bảo. Như vậy, khoản vay của bà Hoàng Thị H thuộc trường hợp không có

tài sản bảo đảm và cũng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc bà H đã thế chấp quyền sử dụng đất, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật cho khoản vay nói trên.

Ngoài ra, ngày 09/4/2018 ông Nguyễn Văn T đã tắt toán 02 khoản vay của 2 Hợp đồng dụng số 3609-LAV-201705864 ngày 30/11/2017 và Hợp đồng tín dụng số 3609-LAV-201706492 ngày 27/12/2017 đều do ông T đứng tên, cán bộ ngân hàng đã làm thủ tục xuất hồ sơ và giải chấp cho tất cả các khoản vay của khách hàng (Nguyễn Văn T) (BL 279 - 283), đồng thời lập phiếu xuất kho trả lại bìa đất cho người nhận là ông Nguyễn Văn T (BL 252). Nên việc bà H và ông T cho rằng khoản vay có tài sản thế chấp là không có căn cứ.

Quá trình ký kết hợp đồng vay tài sản ông T đã ủy quyền cho bà H ký hợp đồng vay tài sản (giấy ủy quyền ngày 05/5/2016, có chứng thực UBND xã Nam C). Vì vậy, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc ông T, bà H phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc 50 triệu đồng cho Ngân hàng. Về lãi suất: Theo giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 27/12/2017 hai bên thỏa thuận lãi suất 9,5%/ năm; lãi suất quá hạn 150%/lãi suất đã thỏa thuận, là phù hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 BLDS; từ ngày 27/12/2017 bà H, ông T không trả tiền lãi suất cho Ngân hàng, nên ngân hàng khởi kiện là có căn cứ.

Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật, vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị H giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị H là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị H. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2011; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Nam Đ.

1. Buộc bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Nam Đ số tiền còn nợ (tính đến ngày 30/9/2020) theo Hợp đồng tín dụng số 3609-LAV-201602614 ngày 05/5/2016 và Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 27/12/2018 với tổng số tiền cả gốc và lãi là: **67.282.191** đồng. (Sáu mươi bảy triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi một đồng). Trong đó: nợ gốc: 50.000.000 đồng; lãi trong hạn: 13.104.794 đồng, lãi quá hạn: 4.177.397 đồng.

2. Bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong các khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí: Bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Văn T phải chịu 3.364.109 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện Nam Đ 1.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002436 ngày 03/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đ, Nghệ An.

Miễn tiền án phí phúc thẩm cho bà Hoàng Thị H.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Nam Đ;
- TAND huyện Nam Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền